

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-PT
Ngày: 11-01-2018
V/v tranh chấp “Xin mở lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải
Ông Lê Hoàng Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Xin mở lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 414/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trà Văn Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2016); (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Sơn N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Sơn N: Ông Nguyễn Văn G, Hội luật gia tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1937; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

4. Chị Phạm Thị U, sinh năm 1981;

Người đại diện hợp pháp của chị U: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982 (Là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016). (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

6. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966 (có mặt)

7. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

9. Anh Phạm Văn H (vắng mặt)

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M. (không rõ địa chỉ)

Người cùng hộ gia đình nguyên đơn Trà Văn Đạm:

10. Bà Trà Thị E, sinh năm 1946;

Người đại diện theo ủy quyền của bà E: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

11. Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1964; (xin vắng mặt)

12. Chị Trà Dương Quốc T, sinh năm 1999; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người cùng hộ gia đình của bị đơn Phạm Văn Sơn Nhỏ:

13. Chị Trần Thị M, sinh năm 1980; (có mặt)

14. Chị Phạm Ngọc T, sinh năm 2005;

15. Chị Phạm Như Q, sinh năm 2009;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị T, chị Q: Anh Phạm Văn Sơn N, chị Trần Thị M (cha ruột, mẹ ruột) (có mặt)

16. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Văn Sơn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn C, Phạm Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trà Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Đ có thửa đất số 528, tờ bản đồ HTC2, diện tích 1.497m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất ở, tọa lạc tại đội 3, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00410 ngày 20/3/2006 do ông Đ đại diện hộ gia đình đứng tên. Đất của ông Đ nằm trong thửa 525, tờ bản đồ HTC2, diện tích 554m² của ông Phạm Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Phạm Văn Sơn N quản lý, canh tác, sử dụng. Ông Đ và anh Sơn N thỏa thuận miệng, theo đó: Anh Sơn N cho ông Đ mở một lối đi từ đất của ông Đ qua đất của ông N đến đường dall công cộng ngang 2m dài 21m. Ông Đ chịu chi phí bơm cát lấp một ao, một mương làm lối đi, đặt bọng nước, làm hàng rào và đổ 02 khối cát, 02 khối đá, đưa tiền mặt 1.000.000 đồng để anh Sơn N làm cổng rào tại nhà của anh Sơn N. Ông Đ đã thực hiện theo các công việc như thỏa thuận, tổng chi phí 42.205.000 đồng. Thực tế hiện hữu tại lối đi ông Đ xin mở là một đường đi bằng dall xi măng ngang 1,5m, dài 21m do ông Đ đã làm chi phí 14.855.000 đồng (tính chung trong số 42.205.000 đồng). Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu anh Sơn N và bà Lê Thị C cùng với các anh chị em của anh Sơn N (anh Sơn N và những người cùng hàng thừa kế) xin mở lối đi ngang 1,5m, dài 21m qua đất ông N tại thửa 525 do anh Sơn N quản lý, canh tác, sử dụng (thực hiện thỏa thuận trao đổi lối đi, tức là để ông Đ và người cùng hộ gia đình được tiếp tục sử dụng lối đi ngang 1,5m, dài 21m qua đất ông N tại thửa 525 do anh Sơn N quản lý, canh tác).

* Bị đơn anh Phạm Văn Sơn N trình bày:

Cha của anh là ông Phạm Văn N, sinh năm 1933 (chết năm 2001) và mẹ là bà Lê Thị C có 07 người con chung là: Phạm Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn Q, Phạm Văn S, Phạm Văn Sơn N, Phạm Thị Q, Phạm Thị U. Ông N và vợ trước có 02 con tên Lê Thị Cẩm H và Phạm Văn H. Ông N ly hôn với người vợ trước rồi sau đó kết hôn với bà C. Ông N chết không để lại di chúc. Anh Sơn N và người thân không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể của anh H, chỉ biết anh H ở tại thành phố H.

Thửa đất số 525, tờ bản đồ HTC2, diện tích 554m² loại đất vườn tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 334, Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/12/1997, là một trong số các thửa

đất hương hỏa do ông N để lại, hiện anh Sơn N trực tiếp canh tác quản lý sử dụng. Thửa đất 525 nằm bên ngoài thửa đất 528 của ông Đ. Thời gian nhiều chục năm qua ông Đ và người cùng hộ gia đình (trong đó có bà E là chị gái ông Đ) sử dụng lối đi khác. Lối đi khác có chiều dài hơn 60m phải qua đất của ông Ba S và bà Hai M. Do có xích mích với ông Ba S nên bà E xin anh Sơn N cho bà E đi tạm nhờ lối đi có chiều dài khoảng hơn 20m qua thửa đất 525 để ra đường đi công cộng và bà E đi nhờ từ tháng 4/2016 đến nay. Việc ông Đ bơm cát lấp mương, làm hàng rào, đặt bọng nước để làm lối đi tạm bằng đường dall xi măng ngang 1,5m cho bà E sử dụng là có, ông Đ chỉ thỏa thuận miệng với anh Sơn N mà không hỏi ý kiến của gia đình anh. Anh Sơn N xác định có việc thỏa thuận miệng giữa anh và ông Đ về việc mở lối đi, trao đổi lối đi với ông Đ nên ông Đ bơm cát làm rào, đặt bọng nước tại đất anh Sơn N canh tác quản lý sử dụng. Anh Sơn N tự nguyện cho ông Đ, bà E sử dụng lối đi đến hết đời tại đường xi măng (dall) ông Đ làm ngang 1,5m, dài 20m trên thửa đất số 525 do ông N đứng tên. Anh Sơn N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không đồng ý theo yêu cầu của ông Đ xin mở lối đi mãi mãi. Anh Sơn N tự nguyện trả giá trị tiền bơm cát cho ông Đ (không đồng ý trả lại tiền làm đường đi bằng xi măng dall, đặt ống cống thoát nước và làm rào).

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Thị C, Lê Thị Cẩm H, Lê Thị U, Phạm Văn C, Phạm Văn Q, Phạm Văn S, Phạm Văn S, Phạm Thị Q thống nhất lời khai của anh Phạm Văn Sơn N, không bổ sung gì thêm, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Anh Sơn N tự thôi lại tiền cát cho ông Đ.

- Nguyễn Văn T trình bày: Ông T có thửa đất số 429 tờ bản đồ số 19 diện tích 655,6m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK860545, sổ vào sổ CH04059 ngày 30-6-2014, liền kề cạnh bên là thửa đất số 525 (của ông N) anh Sơn N canh tác quản lý sử dụng. Giữa hai thửa đất số 429 và 525 là một mương ranh chung ông T dùng làm nơi thoát nước, lúc ông Đ nêu ý kiến làm lối đi, làm cống thoát nước, làm rào ông T có đồng ý. Ông T không ý kiến, không yêu cầu gì, có đơn xin vắng mặt.

- Bản án sơ thẩm số: 120/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn Đ.

- Buộc anh Phạm Văn Sơn N, bà Lê Thị C, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn S, Phạm Thị Q, Phạm Thị U, Lê Thị Cẩm H, Phạm Văn H và những người cùng hộ gia đình của anh Sơn N là Trần Thị M, Phạm Ngọc T, Phạm Như Q phải mở cho ông Trà Văn Đ lối đi có chiều ngang 1,5m x chiều dài 20m (từ đường đi công cộng đến hết đất) tại thửa đất số 525, tờ bản đồ HTC2, diện tích 554m² loại đất vườn tủa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do ông Phạm Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 334, Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/12/1997, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật. Vị trí tứ cận lối đi:

+ Chiều ngang giáp đường đi công cộng (đường huyện 71 (dall)) = 1,5m

+ Chiều ngang còn lại giáp kinh công cộng = 1,5m

+ Chiều dài giáp đất của ông Ba T = 20m

+ Chiều dài giáp đất còn lại của thửa 525 = 20m

(có hình vẽ kèm theo)

2. Về án phí:

- Anh Phạm Văn Sơn N, bà Lê Thị C, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn S, Phạm Thị Q, Phạm Thị U, Lê Thị Cẩm H, Phạm Văn H và những người cùng hộ gia đình của anh Sơn N là Trần Thị M, Phạm Ngọc T, Phạm Như Q, liên đới chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Đ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo phiếu thu số 06021 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 11/9/2017, 18/9/2017, 02/10/2017 bị đơn Phạm Văn Sơn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn C, Phạm Văn Q kháng cáo không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông Trà Văn Đ.

* Ngày 08/11/2017 ông Phạm Văn Sơn N kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét việc Tòa án nhân dân huyện C buộc mở lối đi nhưng không buộc hoàn giá trị đất là trái quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý mở lối đi cho ông Đ. Ông Sơn N rút lại yêu cầu xem xét hoàn giá trị đất và giữ nguyên yêu cầu không đồng ý mở lối đi cho ông Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Sơn N cho rằng anh Đ hỏi đi nhờ không ghi thời hạn chỉ thỏa thuận với anh N và bà C là đi hết đời bà E. Không có văn bản thể hiện thỏa thuận trao đổi bơm cát lấp mương giữa hai bên. Nguyên tắc đất bị bao bọc phải mở lối đi nhưng ở đây bà E có lối đi là đi qua đất ông Đ, bà S do bà E tự ái không đi. Tại biên bản thẩm định thể hiện có 3 đường đi và không ai ngăn cản, đều là đường dal thì tại sao phải đi đường trên đất của anh N, đây là việc lợi dụng chính sách pháp luật. Phần đất được mở lối đi diện tích không lớn nhưng có tới 9 hàng thừa kế nên sẽ gây thiệt hại cho họ khi chia thừa kế. Ở đây anh Đ xin mở lối đi không phải tranh chấp thỏa thuận giao kèo. Do đó, kháng cáo của anh N và các anh của anh N là có cơ sở.

- Ông S, chị M thống nhất với yêu cầu của anh Sơn N, ông C, ông Q.

- Ông Đ và đại diện theo ủy quyền của ông Đ không đồng ý theo yêu cầu của anh Sơn N, ông C, ông Q, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Tuy nhiên, án tuyên buộc phía bị đơn mở lối đi diện tích 30m² và kèm theo bản vẽ là không phù hợp, vì bản vẽ không được cơ quan chức năng đo vẽ, không phù hợp với biên bản thẩm định ngày 22/12/2017 và phiếu kết quả đo đạc ngày 13/3/2017 diện tích là 31,7m², đề nghị điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Mặt khác, ông Đ yêu cầu mở lối đi trên phần đất do ông Sơn N quản lý thì phải có nghĩa vụ hoàn giá trị đất cho phía ông Sơn N mới phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, phía ông Sơn N phải trả giá trị san lấp cho ông Đ số tiền là 9.060.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Sơn N, ông C, ông Q. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 120/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đã nêu trên vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa, anh Sơn N rút lại yêu cầu xem xét hoàn giá trị đất, nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Sơn N, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn Q không đồng ý mở lối đi cho ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hộ ông Trà Văn Đ đang quản lý, sử dụng thửa đất số 528, diện tích 1.497m², liền kề với thửa

đất số 525, diện tích 554 m² do ông Phạm Văn N đứng tên (ông N chết năm 2001), hiện nay do anh Phạm Văn Sơn N quản lý, sử dụng. Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Sơn N và các đồng thừa kế xin mở lối đi qua đất ông N thửa 525 ra đường công cộng. Xét thấy, tại phiên tòa các bên thừa nhận, trước tháng 4/2016 hộ ông Đ đi từ thửa 528 qua đất ông Đào Văn S (Ba S), qua đất bà Lê Thị Đ (Hai M) ra đường công cộng. Ông Đ và ông Sơn N cũng thừa nhận từ tháng 4/2016 có thỏa thuận việc mở lối đi từ đất ông Đ thửa 528 qua đất ông N thửa 525 do anh Sơn N đang quản lý sử dụng ra đường công cộng. Nguyên nhân có việc thỏa thuận mở lối đi này phía ông Đ cho rằng lối đi qua ông Ba S và bà Hai M không thuận tiện, mỗi lần vào nhà ông Đ phải gửi xe ở nhà ông Ba S, hiện nay thì hộ ông Ba S không cho gia đình ông đi nữa và lối đi này ông Ba S đã trồng cây, còn anh Sơn N thì cho rằng, bà E có mâu thuẫn với ông Ba S nên không cho bà E sử dụng lối đi, hiện hai hộ vẫn cho gia đình ông Đ đi bình thường, lúc thỏa thuận đi lối đi đất nhà anh là đi tạm, nên việc ông Đ bơm cát, làm đường dal, là tự ông Đ thực hiện và hiện các anh chị em của anh không đồng ý cho mở lối đi nên anh không đồng ý cho mở lối đi nữa. Xét thấy, lời trình bày của anh Sơn N là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại phiên tòa anh Sơn N cũng thừa nhận có việc thỏa thuận cho hộ ông Đ mở lối đi qua đất của ông N hiện anh đang quản lý, sử dụng. Anh N trình bày, việc ông Đ tự làm hàng rào đặt ống thoát nước, đổ cát mương ranh, một ao lớn trên đất khác ngoài đường đi, làm đường dal trên lối đi anh không biết, lời khai này của anh Sơn N là không hợp lý, vì nhà anh Sơn N đang ở đối diện phần đất mở lối đi và các công việc này thời gian dài, hơn nữa trên cái ao đã lấp cát anh N cũng thừa nhận đã trồng cây ăn trái. Do đó, tuy việc thỏa thuận mở lối đi và thực hiện các công việc như trên không có văn bản nhưng các bên xem như đã thống nhất thực hiện. Anh Sơn N cho rằng đất của ông N hiện chưa sang tên cho anh nên hiện các anh em không đồng ý việc thỏa thuận này vì ảnh hưởng đến việc thừa kế đất. Xét thấy, lối đi được mở chỉ có diện tích 31,7m² có vị trí sát ranh với hộ ông T nằm trong thửa 525 có diện tích 554,8m², ngoài ra ông N còn có các thửa đất khác gồm phần đất gia đình anh Sơn N đang ở khoảng 7.000m² và đất ở Đồng Tháp, đồng thời anh Sơn N đang quản lý sử dụng thửa đất này. Do đó, việc anh Sơn N tự thỏa thuận với ông Đ là phù hợp và việc mở lối đi này không ảnh hưởng đến việc chia thừa kế sau này (nếu có) và không ảnh hưởng cho anh Sơn N trong việc canh tác, sử dụng phần còn lại của thửa đất. Tại biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 22/12/2017, thể hiện lối đi qua hộ ông Đ, bà S có chiều dài 58m, có cây trồng trên lối đi nên việc anh Sơn N cho rằng lối đi này thuận tiện nhất là không phù hợp. Đồng thời, từ khi tranh chấp hộ ông Đ cũng không còn đi đường này vì hộ ông S, bà Đ không cho đi nữa nên đi nhờ qua đất ông T, ông C, ông H (thể hiện tại biên bản thẩm định ngày 22/12/2017 và xác nhận ngày 02/01/2018 của Ban quản lý ấp H). Ông Q, ông C cho rằng, đất này của ông N nên việc anh Sơn N tự thỏa thuận với ông Đ không có sự đồng ý của các anh em về việc mở lối đi là không đúng, nay các anh em không đồng ý cho anh Đ mở lối đi, việc anh N và anh Đ thỏa thuận thực hiện các công việc như anh Đ trình bày thì anh N tự giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, như nhận định trên thì việc mở lối đi không ảnh hưởng đến di sản thừa kế, đồng thời anh N đang quản lý sử dụng phần đất được mở, nên việc thỏa thuận không cần thiết có sự đồng ý của những người thừa kế của ông N. Do đó, việc ông Đ yêu cầu hộ anh N và những người

thừa kế của ông N tiếp tục mở lối đi như đã thỏa thuận có diện tích 31,7m² là có cơ sở, phù hợp Điều 254 Bộ luật Dân sự. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc mở lối đi trên đất của ông N do anh Sơn N quản lý sử dụng là có căn cứ.

[4] Về việc đền bù cho chủ sở hữu khi mở lối đi, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại thời điểm thỏa thuận mở lối đi, anh Đ và anh Sơn N thỏa thuận để anh Đ đổ cát mương ranh làm đường dall, đặt ống thoát nước, đổ cát lấp ao khác, làm cổng rào nhà anh Sơn N nên không đồng ý hoàn giá trị cho anh Sơn N. Anh Sơn N cho rằng các việc trên do anh Đ tự thực hiện anh không biết, như nhận định trên thì lời khai của anh Sơn N là không phù hợp. Thực tế anh Đ đã bỏ ra các chi phí tổng cộng 42.205.000 đồng để thực hiện các công việc đã thỏa thuận và các công việc đó đã hoàn thành xong. Trong quá trình thực hiện anh Sơn N cũng như các thành viên gia đình không ngăn cản hay tranh chấp. Theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự quy định “Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, **trừ trường hợp có thỏa thuận khác**”. Như vậy, các bên đã có thỏa thuận khi mở lối đi, nên anh Đ không phải đền bù cho anh Sơn N khi được mở lối đi. Do các bên không yêu cầu xem xét giá trị lối đi, bồi hoàn giá trị công san lấp, nên không xem xét giải quyết, các bên có tranh chấp về việc này có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Tòa sơ thẩm tuyên lối đi được mở trong quyết định ngang 1,5m, dài 20m và sơ đồ bản vẽ kèm theo không phù hợp hiện trạng vị trí được thẩm định và sơ đồ đo đạc ngày 13/3/2017. Mặt khác, ông Phạm Văn H là đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông N không có địa chỉ, lẽ ra cấp sơ thẩm hướng dẫn đương sự thực hiện thông báo tìm kiếm người vắng hoặc niêm yết nơi cư trú cuối cùng của ông H, nhưng cấp sơ thẩm lại tổng đạt văn bản tố tụng thông qua cho ông Sơn N, nhưng ông Sơn N không giao và cũng không thông báo được cho ông H, việc cấp sơ thẩm tổng đạt văn bản tố tụng cho ông H không đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm buộc các đồng thừa kế của ông N mở lối đi cho ông Đ diện tích 31,7m² không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nếu có tranh chấp chia di sản thừa kế. Án sơ thẩm có sai sót như nêu trên, nhưng không ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm có thể khắc phục sửa án sơ thẩm, không cần thiết phải hủy án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh N, ông Q, ông C về việc không đồng ý mở lối đi là không có căn cứ để chấp nhận. Sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Sơn N không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của anh N, ông Q, ông C không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn Sơn N, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn C.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 120/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn Đ.

Buộc anh Phạm Văn Sơn N, bà Lê Thị C, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn S, Phạm Thị Q, Phạm Thị U, Lê Thị Cẩm H, Phạm Văn H và những người cùng hộ gia đình của anh Sơn N là Trần Thị M, Phạm Ngọc T, Phạm Như Q phải mở cho hộ ông Trà Văn Đ lối đi có diện tích 31,7m² (từ đường đi công cộng đến hết đất) tại thửa đất số 525, tờ bản đồ HTC2, diện tích 554m² loại đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 334 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/12/1997 cho ông Phạm Văn N, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật. Vị trí lối đi như sau:

- + Hướng Đông giáp đường đi công cộng cạnh 1,5m.
- + Hướng Tây giáp kinh công cộng cạnh 1,5m.
- + Hướng Nam giáp đất Nguyễn Văn T cạnh 21,28m.
- + Hướng Bắc giáp đất còn lại của ông N cạnh 21,19m.

(có sơ đồ đất kèm theo)

- Phần án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Văn Sơn N, bà Lê Thị C, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn S, Phạm Thị Q, Phạm Thị U, Lê Thị Cẩm H, Phạm Văn H và những người cùng hộ gia đình của anh Sơn N là Trần Thị M, Phạm Ngọc T, Phạm Như Q có nghĩa vụ liên đới nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đ 200.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 06021 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

+ Án phí phúc thẩm: Anh N, ông Q, ông C mỗi người có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 07511 ngày 11/9/2017, 07532 ngày 18/9/2017, 07543 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên xem như đã nộp xong án phí.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 40 phút ngày 11/01/2018 có mặt ông Đ, các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công TTĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt - Nguyễn Thị Diệp Thúy

Lê Thanh Toàn